

**BỘ XÂY DỰNG
VIỆN VẬT LIỆU XÂY DỰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 124 /VLXD-TCKT

Hà Nội, ngày 25 tháng 2 năm 2020

V/v: Báo cáo công khai quyết toán ngân
sách năm 2018 và dự toán ngân sách
năm 2019

Kính gửi: Bộ Xây dựng

Thực hiện Công văn số 527/BXD-KHTC ngày 13/02/2019 của Bộ Xây dựng v/v báo cáo công khai quyết toán ngân sách năm 2018 và dự toán ngân sách năm 2019, Viện Vật liệu xây dựng đã lập các mẫu biểu theo quy định tại Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Viện Vật liệu xây dựng báo cáo Bộ Xây dựng.

Trân trọng !

VIỆN VẬT LIỆU XÂY DỰNG

- Nơi nhận: gvl
- Như trên,
 - Vụ KHTC;
 - Lưu TCKT, VT.



Lê Trung Thành
VIỆN TRƯỞNG
Lê Trung Thành

Đơn vị: VIỆN VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Chương: 019

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Năm 2018

(Dùng cho đơn vị sử dụng NSNN)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	
I	Nguồn ngân sách trong nước	51,592
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	45,126
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	20,726
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	5,750
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	14,976
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	7,500
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	16,900
6	Chi hoạt động kinh tế	3,366
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3,365.6
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	3,100
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3,100
II	Nguồn vốn viện trợ	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	

Thủ trưởng đơn vị



VIỆN TRƯỞNG
Lê Trung Thành

Đơn vị: VIỆN VẬT LIỆU XÂY DỰNG
Chương: 019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 2 Năm 2020

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH

Năm 2018

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Viện Vật liệu xây dựng công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách năm 2018 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	51,592	46,984		
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	45,126	40,518		
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	20,726	16,118		
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	5,750	5,750		
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	14,976	10,368	69.23	143.05
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	7,500	7,500	100.00	93.75
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	16,900	16,900	100.00	
6	Chi hoạt động kinh tế	3,366	3,366		
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3,365.6	3,365.6	100.0	46.7
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	3,100	3,100		
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3,100	3,100	100.00	100.00
II	Nguồn vốn viện trợ				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				

Thủ trưởng đơn vị



VIỆN TRƯỞNG
Lê Trung Thành

Đơn vị: VIỆN VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Chương: 019

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2018

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	46,984	46,984		
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	40,518	40,518		
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	16,118	16,118		
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	5,750	5,750		
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	10,368	10,368	0.00	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	0	0	0.00	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	7,500	7,500	0.00	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	16,900	16,900	0.00	
6	Chi hoạt động kinh tế	3,366	3,366	0	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3,366	3,366	0.00	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	3,100	3,100	0	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3,100	3,100	0.00	
II	Nguồn vốn viện trợ				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				

Thủ trưởng đơn vị



VIỆN TRƯỞNG
Lê Trung Thành

Đơn vị: VIỆN VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Chương: 019

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Năm 2019

(Dùng cho đơn vị sử dụng NSNN)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	
I	Nguồn ngân sách trong nước	24,530
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	17,980
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	15,880
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	3,170
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	12,710
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	2,100
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	1,450
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1,450
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	5,100
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	5,100
II	Nguồn vốn viện trợ	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	

Thủ trưởng đơn vị



VIỆN TRƯỞNG
Lê Trung Thành